

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Quy chế tài chính
Liên đoàn Cầu lông Việt Nam nhiệm kỳ VI (2018-2023)

CHỦ TỊCH LIÊN ĐOÀN CẦU LÔNG VIỆT NAM

Căn cứ quyết định số 294-CT ngày 14/8/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc thành lập Liên đoàn Cầu lông Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Liên đoàn Cầu lông Việt Nam nhiệm kỳ VI (2018-2023) đã được Bộ Nội vụ phê duyệt theo quyết định số: 59/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1039/1997/QĐ-BTC ngày 17/12/1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Ban hành Quy chế tài chính đối với các Hiệp hội, Liên đoàn thể thao;

Căn cứ Nghị Quyết của hội nghị Ban Chấp hành Liên đoàn Cầu lông Việt Nam lần thứ II, ngày 02 tháng 3 năm 2019;

Xét đề nghị của Văn phòng Liên đoàn Cầu lông Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tài chính của Liên đoàn Cầu lông Việt Nam nhiệm kỳ VI (2018-2023).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà; Tổng thư ký, Chánh văn phòng, Trưởng các ban chức năng của Liên đoàn Cầu lông Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Tổng cục TDTT;
- Lưu: VPLĐ



Hà nội, ngày 14 tháng 6 năm 2019



**QUY CHẾ TÀI CHÍNH
CỦA LIÊN ĐOÀN CẦU LÔNG VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 12 /QĐ-LĐCLVN, ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Liên đoàn Cầu lông Việt Nam)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về việc quản lý, sử dụng các nguồn tài chính của Liên đoàn Cầu lông Việt Nam (sau đây gọi tắt là Liên đoàn), được áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức là thành viên, hội viên của Liên đoàn, các cán bộ, nhân viên làm việc tại Văn phòng Liên đoàn và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và sử dụng các nguồn tài chính

1. Chấp hành đúng các quy định tại Quyết định số 1039/1997/QĐ-BTC ngày 17 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế quản lý tài chính đối với các Hiệp hội thể thao.

2. Các khoản thu, chi phải đảm bảo thống nhất, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với khả năng của Liên đoàn trên cơ sở định mức đã được Ban chấp hành Liên đoàn thông qua.

3. Chủ tài khoản phê duyệt tổng thể và chi tiết kế hoạch tài chính hàng năm; Chủ tài khoản của Liên đoàn là Chủ tịch Liên đoàn.

**CHƯƠNG II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Nội dung các khoản thu

1. Lệ phí gia nhập Liên đoàn, hội phí hàng năm của hội viên;
2. Thu từ các hoạt động dịch vụ của Liên đoàn theo quy định của pháp luật;
3. Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
4. Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
5. Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 4: Nội dung các khoản chi

1. Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Liên đoàn;

2. Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
3. Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với người làm việc tại Liên đoàn theo quy định của Ban Chấp hành Liên đoàn phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Chi hỗ trợ cho vận động viên, huấn luyện viên và lực lượng trọng tài trong các trường hợp cần thiết khi ngân sách nhà nước không đảm bảo chi trả.
5. Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quy định về duyệt chi

Mọi hoạt động chi tiêu của Liên đoàn phải được chủ tài khoản phê duyệt. Trong trường hợp cần thiết chủ tài khoản có thể uỷ quyền cho Phó chủ tịch hoặc Tổng thư ký duyệt chi, cụ thể như sau:

1. Duyệt các khoản chi thường xuyên :
2. Duyệt chi các khoản mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản theo các quy định hiện hành của nhà nước.
3. Duyệt chi cho các giải thi đấu trong nước, quốc tế tổ chức tại Việt Nam
4. Duyệt chi cho các ban chức năng của Liên đoàn.
5. Duyệt chi các khoản chi hợp lý khác.

Điều 6. Quy định về nội dung chi

1. Chế độ tiền lương, tiền ăn, phụ cấp và hỗ trợ.
2. Chế độ công tác phí đi công tác trong nước.
3. Chế độ công tác phí khi được Liên đoàn cử đi công tác ở nước ngoài.
4. Chế độ bồi dưỡng hội nghị Ban thường vụ, Ban chấp hành.
5. Chế độ bồi dưỡng cho phiên dịch tại các lớp học, hội thảo và tập huấn có chuyên gia nước ngoài.
6. Chế độ sử dụng điện thoại.
7. Chi đón đoàn vào
8. Chế độ tiếp khách.
9. Chi vận động tài trợ và hoa hồng môi giới (bằng hiện kim)
10. Các chế độ khác.

Điều 7. Quy định về chế độ chi trong công tác tổ chức thi đấu

1. Các khoản chi cho công tác tổ chức:
 - a) Đối với các giải thi đấu được tổ chức bằng kinh phí của Liên đoàn:
 - Về nguyên tắc, áp dụng Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 về quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;
 - Nếu có các khoản chi phí phát sinh phải được Chủ tịch phê duyệt;

↳

- Căn cứ theo Điều lệ, các văn bản pháp quy có liên quan của từng giải, Văn phòng Liên đoàn xây dựng dự toán kinh phí cụ thể trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với các giải thi đấu được tổ chức bằng nguồn kinh phí ngân sách của Tổng cục Thể dục thể thao:

Văn phòng Liên đoàn căn cứ vào các nguồn thu: tài trợ của các đơn vị; lệ phí tham dự thi đấu của các vận động viên, đoàn, đội để chi hỗ trợ cho các thành viên ban tổ chức, trọng tài trung ương làm nhiệm vụ tại giải thi đấu:

2. Giải thưởng:

a) Tùy theo tính chất từng giải thi đấu Liên đoàn sẽ trao cờ, cúp cho các đoàn, đội hoặc huy chương, cúp cho các vận động viên;

b) Mức tiền thưởng theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các khoản chi hợp lý khác

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hỗ trợ kinh phí cho các địa phương đăng cai đối với các giải do Liên đoàn tổ chức.

Điều 8. Công tác kế toán và các quy định khác

1. Liên đoàn phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật kế toán và Quyết định 1039/1997/QĐ-BTC ngày 17/12/1997 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2. Mọi khoản thu, chi của Liên đoàn đều phải lập chứng từ kế toán và phải ghi chép đầy đủ vào sổ kế toán theo quy định hiện hành.

3. Toàn bộ các chứng từ chi tiêu của Liên đoàn phải đảm bảo đúng theo quy định tài chính của nhà nước và Liên đoàn đã ban hành, phải có chữ ký duyệt của chủ tài khoản hoặc người được ủy quyền.

4. Việc thanh toán: bảo đảm không trùng lặp, nếu cán bộ phụ trách nhiều mảng công việc trong cùng một nội dung công tác thì được thanh toán theo chế độ cao nhất.

5. Các cán bộ, nhân viên được Liên đoàn giao tài sản sử dụng phục vụ nhiệm vụ, nếu bị mất mát, hư hỏng phải bồi thường thiệt hại theo giá trị còn lại của tài sản được trang bị.

6. Các khoản thu do ngân sách nhà nước cấp (nếu có) phải được theo dõi và quản lý, chi theo đúng quy định hiện hành.

7. Các cán bộ, nhân viên của Liên đoàn cần thực hiện chi tiêu tiết kiệm, sử dụng điện thoại, điện, nước, văn phòng phẩm đúng mục đích; có ý thức bảo quản tài sản của Liên đoàn nhằm phục vụ tốt công tác chung của Liên đoàn.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Quy chế này được công khai đối với tất cả các thành viên trong Ban chấp hành. Trong quá trình thực hiện Quy chế về chế độ tài chính của Liên đoàn Cầu lông Việt Nam nếu có sự thay đổi về chế độ chính sách của nhà nước và căn cứ khả năng tài chính của Liên đoàn, Chủ tịch Liên đoàn sẽ nghiên cứu sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế cho Quy chế tài chính số 01/QĐ-LĐCLVN ngày...*01/02/2021*

Nơi nhận:

- Bộ VHTTDL;
- Các thành viên BCH;
- Trưởng các ban, đơn vị thuộc LĐ;
- Các Liên đoàn thành viên;
- Lưu VP.

TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH

Lê Đăng Xu